

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 3 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Dương Tiền
2. Bà Trần Thị Thanh Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án của chị T trình bày: chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn; sau khi cưới về sống chung cha, mẹ chồng tại ấp B, xã P; con chung có 02 người hiện đang sống chung với chị T; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ăn chơi, cờ bạc, rượu chè không lo cho gia đình, nên chị về sống chung với cha, mẹ ruột từ năm 2015 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn; về con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi; cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Mai Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh Luân vắng mặt không rõ lý do nên không thể hiện yêu cầu.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và chị Thương thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng anh L không đến Tòa án để lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập là vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không có đăng ký kết hôn; quá trình chung sống anh L không lo cho gia đình mà ăn chơi, bài bạc, rượu chè, từ đó phát sinh mâu thuẫn nên chị T về sống chung cha, mẹ ruột từ năm 2015 cho đến nay; do chị T và anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L.

Về con chung: cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 11-8- 2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15-12-2014 hiện đang sống chung với chị T từ năm 2015 cho đến nay; hiện tại các cháu phát triển bình thường về mọi mặt; chị T có việc làm và thu nhập ổn định; đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu cho chị Thương tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết; anh L có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Mai Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; quá trình chung sống với nhau đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L cờ bạc, nhậu nhẹt không lo cho gia đình, cho nên chị T bỏ về sống chung với cha, mẹ ruột cho đến nay. Do chị T và anh L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L.

[3] Về con chung: cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 11-8- 2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15-12-2014 hiện đang sống chung với chị T từ năm

2015 cho đến nay; hiện tại các cháu phát triển bình thường về mọi mặt; chị T có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng và điều kiện để nuôi con; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao cháu Q và cháu K cho chị T tiếp tục nuôi là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu nên không giải quyết;

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Mai Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Như Q, sinh ngày 11-8- 2013 và cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 15-12-2014 giao cho chị Nguyễn Thị Hoài T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không giải quyết; anh Luân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí do chị T đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0012776 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị T đã nộp xong)

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng anh Mai Văn Luân vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐK kết hôn;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng